

UBND PHƯỜNG MÔNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÔNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY
(Ngày 05 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 774 trẻ (Trung tâm: 414; Hải Đông: 360 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ									
1	Bí xanh	35.000	Kg	22,5	787.500	12,5	437.500	10	350.000
2	Bún khô	45.000	Kg	12	540.000	6,5	292.500	5,5	247.500
3	Cà rốt	30.000	Kg	1	30.000	0,5	15.000	0,5	15.000
4	Cải ngọt	35.000	Kg	10	350.000	5,5	192.500	4,5	157.500
5	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	0,7	35.000	0,3	15.000	0,4	20.000
6	Gừng tươi	60.000	Kg	1,2	72.000	0,7	42.000	0,5	30.000
7	Hành khô	60.000	Kg	0,8	48.000	0,4	24.000	0,4	24.000
8	Hành lá	45.000	Kg	1,3	58.500	0,7	31.500	0,6	27.000
9	Hạt sen	200.000	Kg	0,4	80.000	0,2	40.000	0,2	40.000
10	Rau mùi	85.000	Kg	1,5	127.500	0,8	68.000	0,7	59.500
11	Thịt gà	130.000	Kg	40	5.200.000	20	2.600.000	20	2.600.000
12	Thịt ghe bóc nỡn	550.000	Kg	4	2.200.000	2	1.100.000	2	1.100.000
13	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	16,5	2.145.000	8	1.040.000	8,5	1.105.000
14	Tôm nõn	220.000	Kg	6,5	1.430.000	4,5	990.000	2	440.000
15	Xương lợn	85.000	Kg	6	510.000	3,5	297.500	2,5	212.500
					13.613.500		7.185.500		6.428.000
Nhóm xuất kho									
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	69,5	1.390.000	38,7	774.000	30,8	616.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,9	13.500	0,5	7.500	0,4	6.000
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	4	240.000	2	120.000	2	120.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	12,5	2.875.000	7	1.610.000	5,5	1.265.000
					4.588.500		2.546.500		2.042.000
Tổng chi					18.202.000		9.732.000		8.470.000
Tổng thu					18.204.480		9.737.280		8.467.200
Tồn ngày hôm trước					1.940		(340)		2.280
Thừa (Thiếu)					4.420		4.940		-520

774	23.520
414	
360	

1270080